

Số: 265/2018/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 12 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Cà Văn T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đội 11, bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đội 11, bản Na T, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc Thuận tình ly hôn và thoả Thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa:

Anh Cà Văn T và chị Lò Thị H

2. Công nhận sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Cà Văn T và chị Lò Thị H Tận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Anh Cà Văn T và chị Lò Thị H có một con chung là Cà Mạnh K, sinh ngày 31/7/2015. Anh T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng

anh T với mức 500.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357/BLDS; Khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung và diện tích ruộng nương: Không có.

Nợ phải trả; nợ lấy về: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh T và chị H được miễn án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã Pom Lót;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thùy Dương